

HIỆN TƯỢNG CHUYỂN DI NGÔN NGỮ VÀ NHỮNG LỖI THƯỜNG GẶP CỦA HỌC VIÊN TRUNG QUỐC TRONG QUÁ TRÌNH HỌC TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Yến¹

Tóm tắt. Chuyển di ngôn ngữ là kết quả tất yếu của quá trình giao thoa ngôn ngữ. Đối với học viên Trung Quốc học tiếng Việt, nếu tận dụng được những chuyển di tích cực thì sẽ đem lại hiệu ứng tốt, nhưng nếu không ý thức được những chuyển di tiêu cực thì sẽ dễ dẫn đến hiện tượng người học mắc lỗi do thói quen sử dụng ngôn ngữ nguồn khi tiếp nhận một ngôn ngữ đích. Bài viết này nghiên cứu về sự tương đồng, khác biệt và hiện tượng chuyển di ngôn ngữ giữa tiếng Việt và tiếng Trung Quốc; qua đó phát hiện và đề xuất cách khắc phục những lỗi thường gặp do hiện tượng chuyển di tiêu cực của học viên Trung Quốc trong quá trình học tiếng Việt.

Từ khóa: Chuyển di ngôn ngữ, thụ đắc ngôn ngữ, lỗi, tương đồng, khác biệt, tiếng Việt, tiếng Trung Quốc.

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc càng ngày càng được củng cố và phát triển. Tình hữu nghị truyền thống Việt Nam - Trung Quốc cũng đã được lãnh đạo cấp cao hai nước xác định “là tài sản quý báu của hai Đảng, hai Nhà nước” và được cụ thể hoá trên nhiều lĩnh vực, từ kinh tế, thương mại, đến văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, v.v.

Góp phần làm sâu sắc hơn mối quan hệ đó, những năm qua, nhiều học viên Trung Quốc đã sang Việt Nam học tiếng Việt. Mục đích học tiếng Việt của họ hết sức đa dạng. Tuỳ từng cương vị xã hội và vị trí công tác khác nhau mà mỗi người học có một mục đích học tập khác nhau. Có người học tiếng Việt là để hỗ trợ cho việc kinh doanh, mở rộng đầu tư và phát triển công ty, văn phòng đại diện ở Việt Nam; có người học vì muốn nghiên cứu sâu hơn về đất nước, con người và văn hoá Việt Nam; có người được cử đi học, có người đi học tự túc, ... Tuy nhiên, dù là học tiếng Việt với mục đích nào thì học viên Trung Quốc vẫn không tránh khỏi những khó khăn chung trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ đích. Bài viết dưới đây phân tích kỹ hơn về những tương đồng, khác biệt, hiện tượng chuyển di ngôn ngữ và những lỗi thường gặp của học viên Trung Quốc trong quá trình học tiếng Việt.

2. Sự tương đồng, khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Trung Quốc

2.1. Sự tương đồng

Âm tiết tính

Tiếng Việt và tiếng Trung có một điểm tương đồng rất dễ thấy, đó là âm tiết tính rõ. Trong vốn từ vựng cơ bản của hai ngôn ngữ, số từ đơn âm tiết chiếm tỉ lệ cao hơn so với các từ đa âm tiết. Khi phát âm, các âm tiết luôn có sự tách bạch rõ ràng thành từng khúc đoạn riêng biệt trong dòng lời nói; không có hiện tượng nối âm, nuốt âm như đối với các ngôn ngữ châu Âu.

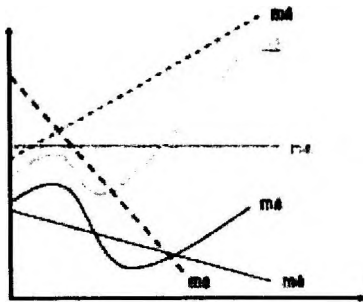
Ngày nhận bài: 03/05/2022. Ngày nhận đăng: 10/06/2022.

¹Học viện Khoa học quân sự

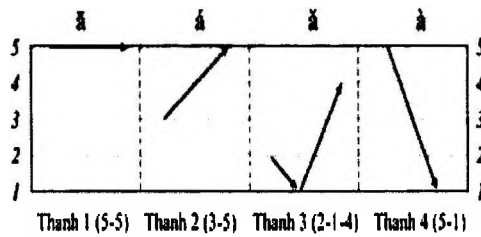
e-mail: haiyennnguyen.9876@gmail.com

Hệ thống thanh điệu

Tiếng Việt và tiếng Trung đều là ngôn ngữ có thanh điệu. Trong khi tiếng Việt có 6 thanh (gồm thanh ngang, thanh huyền, thanh sắc, thanh hỏi, thanh ngã, thanh nặng) thì tiếng Trung cũng có 4 thanh (gồm thanh 1: âm bình, thanh 2: dương bình, thanh 3: thượng thanh, thanh 4: khứ thanh) và 1 khinh thanh (thanh nhẹ/ không dấu).



Hình 1. Thanh điệu trong tiếng Việt



Hình 2. Thanh điệu trong tiếng Trung

So sánh bảng miêu tả thanh điệu của tiếng Trung và tiếng Việt, có thể thấy rõ sự tương ứng giữa các thanh ở hai ngôn ngữ: thanh 1 với độ cao 5-5, tương ứng với thanh ngang; thanh 2 với độ cao 3-5, tương ứng với thanh sắc; thanh 3 với độ cao 2-1-4, tương ứng với thanh hỏi; thanh 4 với độ cao 5-1, tương ứng với thanh nặng.

Các thanh điệu cao, thấp là yếu tố quan trọng tạo ra ngữ điệu trầm bổng, uyển chuyển, du dương cho lời nói. Bên cạnh đó, sự kết hợp hài hoà giữa các âm tiết trong từ đa âm (phần lớn là các từ song tiết) cũng góp phần tạo ra tính cân đối, nhịp nhàng; giúp cho ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Trung giàu nhạc tính, “nói mà nghe như hát”.

Cấu tạo âm tiết

Nếu đặc điểm cấu tạo của âm tiết tiếng Việt ở dạng đầy đủ gồm 5 thành phần: phụ âm đầu, âm đệm, âm chính, âm cuối và thanh điệu thì cấu tạo của âm tiết tiếng Trung cũng gồm 5 thành phần là: thủy âm, giới âm, chính âm, chung âm và thanh điệu. Trong đó, âm chính và thanh điệu là hai thành phần không thể thiếu được trong một âm tiết của cả hai ngôn ngữ. Nhờ đặc điểm này, học viên Trung Quốc khá dễ dàng trong việc nói và viết đúng âm tiết tiếng Việt.

Ví dụ:

Bảng 1. Ví dụ về cấu tạo âm tiết

	Tiếng Việt	Tiếng Trung
Dạng đầy đủ	toàn, khuyết, thuyên,...	良 (liáng), 说 (shuō),...
Dạng ngắn gọn	a, ừ, ô, ý,...	一 (yī), 二 (èr),...

Từ đa nghĩa

Cả tiếng Việt và tiếng Trung đều có một hệ thống từ đa nghĩa phong phú. Trong đó, mỗi một từ đa nghĩa thường bao gồm hai loại nghĩa là nghĩa cơ bản (hay nghĩa chính) và nghĩa mở rộng (hay nghĩa phụ). Nghĩa cơ bản thường là nghĩa gốc của từ, tức là cái nội dung khái niệm nguyên thủy mà từ được dùng để biểu thị. Còn nghĩa mở rộng thường được hiểu là nghĩa được bổ sung thêm vào từ bằng cách mở rộng nghĩa cơ bản. Thông thường, nghĩa mở rộng được hình thành do sự liên tưởng với nghĩa cơ bản theo một cách thức nào đấy (chẳng hạn như sự giống nhau về hình dáng, kích thước, màu sắc, công dụng,...). Vì vậy, muốn hiểu chính xác nghĩa của từ, chúng ta phải đặt từ trong từng ngữ cảnh cụ thể.

Thành phần câu

Các thành phần câu trong tiếng Việt và tiếng Trung cơ bản giống nhau. Đó là ngoài các thành phần chính là chủ ngữ, vị ngữ thì câu còn có thể có thêm các thành phần phụ khác như trạng ngữ, định ngữ, bổ ngữ.

Trật tự câu thông thường của tiếng Trung cũng tương đương như trong tiếng Việt: Chủ ngữ đứng trước, vị ngữ đứng sau; các thành phần phụ (nếu có) bổ sung, làm rõ nghĩa cho nòng cốt câu, hoặc cho các danh từ, động từ, tính từ làm thành tố chính của chủ ngữ, vị ngữ.

2.2. Sự khác biệt

Về chữ viết: Điểm khác nhau đầu tiên của tiếng Trung và tiếng Việt là về chữ viết. Tiếng Trung dùng ký tự tượng hình (với hơn 2000 ký tự); tiếng Việt dùng ký tự La-tinh. Đây là điểm khác nhau rõ ràng nhất giữa hai ngôn ngữ.

Về phụ âm: Tiếng Việt có 23 phụ âm đầu, tiếng Trung chỉ có 21 phụ âm. Tuy số lượng khác nhau không lớn, nhưng tính chất lại rất khác nhau. Đặc biệt, có những phụ âm đầu của ngôn ngữ tiếng Việt không có âm tương tự như trong ngôn ngữ tiếng Trung (đ, v); hoặc có những phụ âm dù xuất hiện ở cả hai ngôn ngữ nhưng cách phát âm lại không giống nhau (như b, c, ch, g...).

Số phụ âm gốc lưỡi trong tiếng Việt cũng nhiều hơn tiếng Trung; ngược lại số phụ âm đầu lưỡi tắc sát của tiếng Trung lại nhiều hơn tiếng Việt. Do đó, học viên Trung Quốc sẽ khó phát âm chính xác một số phụ âm của tiếng Việt mà tiếng Trung không có, hoặc mượn thói quen trong phát âm tiếng Trung sang phát âm tiếng Việt.

Phụ âm cuối trong tiếng Việt cũng phong phú hơn so với tiếng Trung. Tiếng Việt có 7 phụ âm cuối (c, m, n, p, t, nh, ng), còn tiếng Trung chỉ có 2 phụ âm cuối (n, ng). Đây chính là nguyên nhân cơ bản khiến cho học viên Trung Quốc thường phát âm sai khi gặp những từ có chứa phụ âm cuối là c, m, p, t, nh.

Về nguyên âm: Hệ thống nguyên âm của tiếng Việt nhiều hơn so với tiếng Trung, đặc biệt, có những nguyên âm của tiếng Việt mà tiếng Trung không có (như ă, â, ô, ơ, ư, ê). Do đó, người Trung Quốc trong quá trình học tiếng Việt cảm thấy rất khó khăn khi nói, viết các từ có nguyên âm này.

Về thanh điệu: Tiếng Trung có 4 thanh điệu, ít hơn so với tiếng Việt 2 thanh. Về cơ bản, các thanh điệu mà tiếng Trung đang sử dụng cũng khá gần với một số thanh điệu của tiếng Việt. Tuy nhiên, do trong tiếng Việt có thêm thanh ngã và thanh huyền (khác với hệ thống thanh điệu của tiếng Trung) nên học viên Trung Quốc thường rất dễ nhầm lẫn khi sử dụng hai thanh điệu này.

Về cấu tạo từ: Điểm khác biệt rõ ràng nhất về mặt cấu tạo từ trong tiếng Việt và tiếng Trung đó là hiện tượng đảo ngược vị trí các yếu tố của từ ghép chính phụ. Nếu trong tiếng Việt, trật tự của các yếu tố được sắp xếp theo như tên gọi (chính trước, phụ sau), thì trong tiếng Trung lại ngược lại (phụ trước, chính sau). Điều này khiến cho học viên Trung Quốc gặp không ít khó khăn khi sử dụng từ ngữ tiếng Việt.

Ví dụ:

Bảng 2. Ví dụ về cấu tạo từ

Tiếng Trung	Tiếng Việt
好人 (hào nhân)	Người tốt
蓝色 (lam sắc)	Màu xanh
去玩 (khứ ngoạn)	Đi chơi

Về vị trí của thành phần trạng ngữ trong câu. Thành phần trạng ngữ trong Tiếng Việt và tiếng Trung được sử dụng tương đối linh hoạt. Tuy nhiên, nếu trạng ngữ trong tiếng Việt có thể đứng ở mọi vị trí, cả đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu, thì trong tiếng Trung trạng ngữ chỉ chỉ có thể đặt ở đầu câu hoặc sau chủ ngữ. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho học viên Trung Quốc thường lúng túng khi làm những bài tập chữa lỗi sai mà câu có chứa thành phần này.

3. Chuyển di ngôn ngữ và những lỗi thường gặp của học viên Trung Quốc trong quá trình học tiếng Việt

3.1. Chuyển di ngôn ngữ

Chuyển di ngôn ngữ là hiện tượng người học sử dụng những hiểu biết nền tảng về ngôn ngữ mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ mà mình quen sử dụng (ngôn ngữ nguồn) để áp dụng vào việc học tập một ngoại ngữ khác (ngôn ngữ đích). Quá trình này sẽ tạo ra hai hình thái là chuyển di tích cực và chuyển di tiêu cực.

Chuyển di tích cực là việc người học tìm thấy những điểm tương đồng giữa ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích. Nhờ các yếu tố tương đồng đó mà người học có thể dễ dàng hơn trong việc tiếp nhận ngôn ngữ đích thông qua thói quen sử dụng ngôn ngữ nguồn.

Ví dụ, tiếng Trung và tiếng Việt đều có đặc điểm ngữ âm giống nhau, đó là các âm tiết có tính độc lập cao, tách bạch và được ngắt ra thành từng khúc đoạn riêng biệt trong dòng lời nói. Các âm tiết như vậy tạo thành hệ thống từ đơn âm tiết phong phú, đa dạng trong cả tiếng Trung và tiếng Việt. Trong nhiều trường hợp, khi muốn tạo từ ghép, người học chỉ cần nhóm các từ đơn lại với nhau. Nghĩa của từ mới sẽ được tạo thành bằng sự cộng nghĩa của các từ đơn ban đầu.

Chuyển di tiêu cực là những khác biệt giữa hai ngôn ngữ khiến cho người học dễ nhầm lẫn khi đem thói quen mượn các quy tắc của ngôn ngữ nguồn vào quá trình tiếp nhận ngôn ngữ đích. Điều này tạo ra rào cản đáng kể khi người học thụ đắc ngôn ngữ thứ hai, đồng thời là nguyên nhân cơ bản dẫn đến hiện tượng mắc lỗi trong quá trình học tiếng.

Ví dụ, học viên Trung Quốc thường gặp không ít khó khăn khi phát âm các âm tiết của tiếng Việt có chứa những phụ âm đầu mà tiếng Trung không có (như b, c, g, đ, ...); hoặc khi học về cấu tạo từ, học viên sẽ đem thói quen tạo từ ghép trong tiếng Trung sang tiếng Việt, kết quả là tạo ra những cách nói ngược.

Như vậy, chuyển di ngôn ngữ trong dạy học ngoại ngữ cũng có tính hai mặt: vừa tích cực, vừa tiêu cực. Chúng ta không nên chỉ nhìn vào mặt tiêu cực và nảy sinh tư tưởng bài xích hiện tượng chuyển di ngôn ngữ, coi đó là điều cần phải loại bỏ vì cho rằng chuyển di ngôn ngữ là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng nói sai, viết sai, thậm chí tư duy sai khi thụ đắc ngôn ngữ đích. Thực tế cho thấy, “phần giống nhau giữa ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ đích thì dễ học, phần khác nhau thì khó học”. Bởi vậy, nghiên cứu về hiện tượng chuyển di ngôn ngữ trong dạy học ngoại ngữ, các nhà ngôn ngữ học từ những năm 50 của thế kỷ XX đã khái quát quan điểm này bằng một công thức dễ hiểu, đó là “khoảng cách = độ khó”, tức là khoảng cách lớn nhỏ giữa ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ đích tỉ lệ thuận với độ khó của việc thụ đắc ngôn ngữ đích. Do đó, để dạy học tiếng Việt với tư cách là một ngoại ngữ đạt hiệu quả thì nhất thiết cả người dạy và người học đều phải biết tận dụng những “phần giống nhau” và rạch ròi các “phần khác nhau” giữa hai ngôn ngữ (ngôn ngữ mẹ đẻ của người học và ngôn ngữ tiếng Việt). Có như vậy, người học mới hạn chế được các loại lỗi khi sử dụng tiếng Việt.

3.2. Những lỗi thường gặp của học viên Trung Quốc trong quá trình học tiếng Việt

3.2.1. Dùng từ không đúng âm thanh và hình thức cấu tạo

Trong quá trình học tiếng Việt, việc học viên Trung Quốc nói (viết) sai một số âm tiết do tác động tiêu cực từ hiện tượng chuyển di ngôn ngữ là điều khó tránh khỏi. Các lỗi như vậy được gọi chung là dùng từ không đúng âm thanh và hình thức cấu tạo.

Dưới đây là một số lỗi dùng từ thường gặp:

Dùng sai phụ âm đầu: Đây là hiện tượng học viên phát âm sai một số âm tiết của tiếng Việt mà phụ âm đầu không có trong ngôn ngữ tiếng Trung, hoặc do ảnh hưởng từ thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ của người học. Để “dễ hoá” khi sử dụng, học viên thường có xu hướng “mượn” một phụ âm sẵn có của tiếng Trung mà cách phát âm của nó gần với phụ âm của tiếng Việt. Theo đó, các phụ âm khó của tiếng Việt lần lượt được học viên Trung Quốc thay thế bằng các phụ âm có vỏ âm thanh gần, chẳng hạn như b - p, c - z, ch - d,

đ – t, g – c, k – kh,...

Dùng sai phụ âm cuối: Do tiếng Trung chỉ có 2 phụ âm là -n và -ng đảm nhận vai trò làm âm cuối trong âm tiết (ít hơn tiếng Việt 5 phụ âm), nên học viên Trung Quốc thường gặp khó khăn khi phát âm một số âm tiết trong tiếng Việt mà có kết thúc bằng c, m, p, t, nh. Trong đó, tập trung lỗi nhiều nhất là ở nhóm âm tiết có kết thúc bằng các phụ âm tắc – mũi (m, n, nh, ng) hoặc tắc – miệng (p, t, ch, c).

Dùng sai nguyên âm: Việc phát âm không “tròn vành rõ chữ” một số âm tiết của tiếng Việt mà âm tiết đó có chứa các nguyên âm đơn có dấu phụ như ă, â, ô, ơ, ư, ê; hoặc chứa các nguyên âm đôi như iê (yê, ia, ya), ươ (ưa), uô (ua) là hiện tượng phổ biến đối với học viên Trung Quốc trong quá trình học tiếng Việt, nhất là giai đoạn đầu của Tiếng Việt cơ sở.

Dùng sai thanh điệu: Mặc dù tiếng Trung cũng có hệ thống thanh điệu như trong tiếng Việt, nhưng tiếng Trung lại không có thanh huyền và thanh ngã. Đây là lí do khiến cho học viên Trung Quốc rất khó khăn khi nói (viết) các tiếng của tiếng Việt mà chứa hai thanh điệu này.

Trong thực tế, khi sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, phần lớn, học viên Trung Quốc thường có xu hướng chuyển từ thanh huyền sang thanh nặng (như tàu ngầm – tạu ngầm, cần kiệm – cần kiệem, đồng bào – tông bạo...); chuyển từ thanh ngã sang thanh sắc (như hoả tiễn – hoả tiến, vũ khí – vú khí, sĩ quan – sí quan,...)

3.2.2. Dùng từ không đúng nghĩa

Theo thống kê của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học, tiếng Việt có khoảng 70% vay mượn từ tiếng Hán. Trong quá trình vay mượn, nhiều từ đã được Việt hoá cả về âm đọc và ý nghĩa, trở thành từ Hán Việt. Đây là một trong những lí do khiến cho học viên Trung Quốc rất lúng túng khi sử dụng từ ngữ tiếng Việt, đặc biệt là đối với các trường hợp dùng từ ngữ trong những ngữ cảnh mới hoặc có chung gốc với các yếu tố Hán.

Ví dụ:

Trong tiếng Việt, (củ) lạc, trần (nhà) được tạo ra do rút gọn yếu tố cấu tạo của các từ lạc hoa sinh, thừa trần trong tiếng Hán. Các từ não nhiệt, phóng thích được tạo ra do thay đổi trật tự các yếu tố nhiệt não, thích phóng. Các từ bồi hồi (nghĩa là bồn chồn, xúc động); phương phi (nghĩa là béo tốt) được giữ nguyên cách đọc nhưng có sự thay đổi về nghĩa (tiếng Hán, bồi hồi nghĩa là đi đi lại lại, phương phi nghĩa là hoa cỏ thơm tho),...

Với các phương thức Việt hoá như vậy, học viên Trung Quốc khi gặp các từ ngữ có yếu tố ngữ âm quen thuộc sẽ thường có tâm lý chủ quan, không tìm hiểu nghĩa của từ mà sử dụng luôn nghĩa gốc của tiếng Hán, từ đó dẫn đến cách dùng từ sai.

3.2.3. Dùng sai loại từ

Tiếng Việt còn có một hệ thống loại từ phong phú, đa dạng. Việc người nước ngoài nói chung, người Trung Quốc nói riêng sử dụng sai loại từ tiếng Việt là hiện tượng khá phổ biến trong quá trình học tiếng Việt.

Có hai loại lỗi loại từ thường gặp, đó là lỗi thiếu loại từ và lỗi sai loại từ.

Lỗi thiếu loại từ là hiện tượng người học không sử dụng loại từ đi kèm với danh từ.

Ví dụ, lẽ ra phải nói:

Mảnh đất Điện Biên hôm nay vẫn còn khá nhiều những căn hầm kiên cố thì học viên Trung Quốc thường nói:

Mảnh đất Điện Biên hôm nay vẫn còn khá nhiều những hầm kiên cố.

Lỗi sai loại từ là hiện tượng người học không sử dụng đúng loại từ đi kèm với danh từ. Chẳng hạn, lẽ ra dùng con/ quyển/ tờ,... thì lại dùng cái, và ngược lại.

3.2.4. Sai về trật tự từ

Đây là lỗi thường xảy ra đối với học viên Trung Quốc khi nói (viết) các từ ghép trong tiếng Việt, đặc biệt là các từ ghép chính phụ. Do các yếu tố của từ ghép chính phụ trong hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Trung có trật tự trái ngược nhau nên trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ tiếng Việt, học viên hay mượn thói

quen của tiếng Trung vào trong tiếng Việt. Kết quả là tạo ra các tổ hợp vô nghĩa, hoặc có nghĩa khác với nghĩa của từ cần diễn đạt.

4. Những định hướng nhằm khắc phục lỗi

Theo quan điểm tri nhận, lỗi (error) là một hiện tượng tất yếu khi người học thụ đắc một ngoại ngữ. Nó “là kết quả của sự thể hiện không thành công” (S.P. Coder), “là sự lệch chuẩn so với ngữ pháp của người bản ngữ, hoặc sự vi phạm các quy tắc sử dụng ngôn ngữ và các quy ước về văn hóa” (Phạm Đăng Bình). Để khắc phục những lỗi này, trong quá trình dạy học tiếng Việt cho học viên Trung Quốc, giáo viên cần chú ý định hướng cho người học một số nội dung sau:

Một là, nắm vững những nét tương đồng, khác biệt giữa ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Trung Quốc. Tất nhiên, để “nắm vững” thì đòi hỏi phải có một quá trình chứ không thể ngày một ngày hai được. Thông qua mỗi tình huống giao tiếp, người học sẽ dần dần tích lũy được kiến thức và hình thành kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cho bản thân. Đối với những điểm tương đồng, bên cạnh việc triệt để phát huy các yếu tố giống nhau của hai ngôn ngữ nhằm tạo tâm lý “dễ hoá” trong quá trình học tập, giáo viên cũng cần lưu ý học viên tránh tâm lý chủ quan vì sẽ dễ rơi vào “cái bẫy” lỗi giao thoa. Còn đối với những điểm khác biệt, người học cần ý thức đầy đủ sự khác nhau của hai ngôn ngữ, đồng thời, mạnh dạn tự tin vượt qua các rào cản ngôn ngữ để tránh các lỗi về chuyển di tiêu cực, đặc biệt là những lỗi về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp.

Hai là, tích cực tận dụng môi trường thực hành tiếng (cả tình huống thực lẫn các tình huống giao tiếp giả định). Tình huống thực là những cuộc giao tiếp diễn ra tự nhiên, người tham gia giao tiếp được sử dụng ngôn ngữ một cách thoải mái trong những hoàn cảnh giao tiếp khác nhau, với nhiều nội dung khác nhau và với các vai giao tiếp khác nhau. Tình huống giao tiếp giả định là những tình huống được xây dựng thông qua hệ thống bài tập rèn luyện ngôn ngữ mà giáo viên đã chuẩn bị sẵn. Nếu thường xuyên luyện tập như vậy, người học sẽ dần dần vượt qua các rào cản ngôn ngữ để mạnh dạn, tự tin hơn trong quá trình giao tiếp.

Ba là, học một ngoại ngữ không thể tách rời với học văn hoá. Ngôn ngữ của bất kỳ dân tộc nào cũng đều mang đậm dấu ấn của đất nước, con người và văn hoá của dân tộc đó. Chính vì vậy, muốn học tốt tiếng Việt thì người học cần gắn ngôn ngữ Việt với văn hoá Việt. Cách chào hỏi, xưng hô, cách đề nghị, yêu cầu hay từ chối một điều gì, ... đều có mối liên hệ mật thiết với văn hoá.

5. Kết luận

Việt Nam - Trung Quốc là hai quốc gia “núi liền núi, sông liền sông”. Các yếu tố về lịch sử, địa lý, phong tục, tập quán, ... đã góp phần tạo nên nhiều điểm tương đồng về ngôn ngữ của hai dân tộc. Tuy nhiên, thụ đắc ngôn ngữ thứ hai còn là quá trình người học phải nỗ lực vượt qua sự khác nhau giữa ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích. Bởi vậy, nghiên cứu những điểm tương đồng và khác biệt này, một mặt sẽ giúp cho người học cảm thấy tiếng Việt gần gũi, thân quen hơn, từ đó có thể tiếp thu tiếng Việt dễ dàng hơn; mặt khác, trên cơ sở đó xây dựng ý thức nói đúng, viết đúng, nghe đúng, hiểu đúng; tránh được các lỗi do hiện tượng chuyển di ngôn ngữ trong quá trình học tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Thị Thanh Huyền (2008). Khảo sát lỗi ngữ âm của người Trung Quốc học tiếng Việt và cách khắc phục. Luận văn thạc sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- [2] Đỗ Thị Hảo (2006). Vài nhận xét về sự tương đồng trong phát âm giữa tiếng Việt và tiếng Hán, Một số vấn đề về nội dung và phương pháp giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 121-126.
- [3] Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (2003). Phương pháp dạy học tiếng Việt. Nxb Giáo dục
- [4] Lê Xảo Bình (2004). Lỗi của người Trung Quốc học tiếng Việt nhìn từ góc độ xuyên văn hoá (Xét về khía cạnh từ vựng). Luận văn thạc sĩ ngôn ngữ học, Đại học Khoa học xã hội Nhân văn)

- [5] Nguyễn Hưng Quốc (2014). Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai. Nxb Người Việt Book.
- [6] Nguyễn Ngọc Chinh, Nguyễn Hoàng Thân (2011). Đặc điểm tương đồng và dị biệt của ngôn ngữ và văn hoá Việt, Trung ảnh hưởng tới việc sử dụng, tiếp thu Tiếng Việt trong quá trình học tập của sinh viên Trung Quốc. Báo cáo nghiên cứu khoa học, Đại học Đà Nẵng.
- [7] Phạm Đăng Bình (2003). Khảo sát các lỗi giao thoa ngôn ngữ - văn hóa trong diễn ngôn của người Việt học tiếng Anh. Luận án Tiến sĩ, Hà Nội.
- [8] Vũ Hoàng Phương Loan (2015). Khảo sát lỗi ngữ pháp trong sử dụng tiếng Việt của sinh viên Trung Quốc tại một số trường đại học ở Hà Nội. Luận văn thạc sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

ABSTRACT

Language migration phenomenon and frequently made errors of Chinese students in Vietnamese learning process

Language migration is an inevitable result of language interference. For Chinese students learning Vietnamese, if they can take advantage of positive movements, they will have a good effect, but if they are not aware of the negative movements, it will easily lead to the phenomenon of learners making mistakes because of the negative movement habit of using the source language when receiving a target language. This article studies the similarities, differences and the phenomenon of language transfer between Vietnamese and Chinese; thereby detecting and proposing ways to overcome common mistakes caused by negative transfer of Chinese students in the process of learning Vietnamese.

Keywords: *Language transfer, language acquisition, errors, similarities, differences, Vietnamese, Chinese.*